BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP ĐIỆN I
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/03/2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2016

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/03/2016 VND	01/01/2016 VND
100	**A. TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**1.183.777.788.904**	**1.590.786.532.087**
110	**I. Tiền và các khoản tương đương tiền**	3	**179.090.981.691**	**377.364.274.418**
111	1. Tiền		14.710.981.691	3.984.274.418
112	2. Các khoản tương đương tiền		164.380.000.000	373.380.000.000
130	**III. Các khoản phải thu ngắn hạn**		**633.620.875.287**	**807.214.160.235**
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	372.204.842.931	570.548.843.573
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		242.131.567.507	224.965.120.766
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	25.789.104.324	18.204.835.371
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(6.504.639.475)	(6.504.639.475)
140	**IV. Hàng tồn kho**	7	**345.519.270.428**	**405.919.837.102**
141	1. Hàng tồn kho		345.519.270.428	405.919.837.102
150	**V. Tài sản ngắn hạn khác**		**25.546.661.498**	**288.260.332**
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	228.531.575	288.260.332
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		25.318.129.923	-
200	**B. TÀI SẢN DÀI HẠN**		**1.074.344.307.053**	**964.580.809.805**
220	**II. Tài sản cố định**		**50.295.324.896**	**49.505.903.248**
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	49.187.254.896	48.391.610.596
222	*- Nguyên giá*		*115.298.494.121*	*111.881.804.867*
223	*- Giá trị hao mòn luỹ kế*		*(66.111.239.225)*	*(63.490.194.271)*
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	1.108.070.000	1.114.292.652
228	*- Nguyên giá*		*1.217.970.000*	*1.217.970.000*
229	*- Giá trị hao mòn luỹ kế*		*(109.900.000)*	*(103.677.348)*
230	**III. Bất động sản đầu tư**	11	**86.687.602.240**	**87.716.760.734**
231	- Nguyên giá		96.348.430.488	96.348.430.488
232	- Giá trị hao mòn luỹ kế		(9.660.828.248)	(8.631.669.754)
240	**IV. Tài sản dở dang dài hạn**	8	**484.338.440.940**	**375.707.726.649**
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		484.338.440.940	375.707.726.649
250	**V. Đầu tư tài chính dài hạn**	4	**446.540.969.589**	**441.020.969.589**
251	1. Đầu tư vào công ty con		288.740.869.547	288.740.869.547
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		167.068.756.168	161.548.756.168
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		4.821.770.000	4.821.770.000
254	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(14.090.426.126)	(14.090.426.126)
260	**VI. Tài sản dài hạn khác**		**6.481.969.388**	**10.629.449.585**
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	6.079.804.369	7.205.928.561
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		402.165.019	3.423.521.024
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**2.258.122.095.957**	**2.555.367.341.892**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2016
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/03/2016 VND	01/01/2016 VND
300	**A. NỢ PHẢI TRẢ**		**1.000.144.142.257**	**1.393.770.435.319**
310	**I. Nợ ngắn hạn**		**672.461.884.814**	**1.087.380.785.185**
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	282.527.898.858	407.842.814.401
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		80.692.003.579	376.148.767.898
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	41.934.762.321	70.965.149.751
314	4. Phải trả người lao động		19.682.196.617	33.417.799.023
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	14.275.528.157	80.920.634.183
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	18	262.319.757	378.911.943
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	17	26.197.726.700	25.844.030.875
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	13	126.304.875.858	15.000.000.000
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	19	72.002.135.613	67.383.243.757
322	10. Quỹ khen thưởng phúc lợi		8.582.437.354	9.479.433.354
330	**II. Nợ dài hạn**		**327.682.257.443**	**306.389.650.134**
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	13	220.583.928.670	197.011.841.573
342	2. Dự phòng phải trả dài hạn	19	107.098.328.773	109.377.808.561
400	**B. VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**1.257.977.953.700**	**1.161.596.906.573**
410	**I. Vốn chủ sở hữu**	20	**1.257.977.953.700**	**1.161.596.906.573**
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		341.694.850.000	341.694.850.000
411a	*Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*		*341.694.850.000*	*341.694.850.000*
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		105.674.669.318	105.674.669.318
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu		9.137.439.384	9.137.439.384
415	4. Cổ phiếu quỹ		(4.320.000)	(4.320.000)
418	5. Quỹ đầu tư phát triển		39.244.481.356	39.244.481.356
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		762.230.833.642	665.849.786.515
421a	*LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước*		*665.849.786.515*	*474.028.437.205*
421b	*LNST chưa phân phối năm nay*		*96.381.047.127*	*191.821.349.310*
440	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**2.258.122.095.957**	**2.555.367.341.892**

Phạm Thị Thanh Bình	**Trần Thị Minh Việt**	**Trịnh Đình Tuấn**
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 04 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý 1 Năm 2016

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý 1 Năm 2016	Quý 1 Năm 2015
			VND	VND
01	**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**22**	**540.906.126.489**	**385.534.261.249**
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	**3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**540.906.126.489**	**385.534.261.249**
11	**4. Giá vốn hàng bán**	**23**	**412.546.228.195**	**352.275.110.437**
20	**5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**128.359.898.294**	**33.259.150.812**
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	4.035.723.258	3.841.366.635
22	7. Chi phí tài chính	25	1.422.068.844	45.798.949
23	*Trong đó: Chi phí lãi vay*		*1.379.667.240*	*45.798.949*
25	8. Chi phí bán hàng		-	1.782.425.669
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	10.812.636.621	10.880.952.697
30	**10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**		**120.160.916.087**	**24.391.340.132**
31	11. Thu nhập khác	27	98.664.755	668
32	12. Chi phí khác	28	434.351	2.667.768
40	**13. Lợi nhuận khác**		**98.230.404**	**(2.667.100)**
50	**14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**		**120.259.146.491**	**24.388.673.032**
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	29	20.856.743.359	6.124.178.633
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		3.021.356.005	(758.670.566)
60	**17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp**		**96.381.047.127**	**19.023.164.965**

Phạm Thị Thanh Bình	**Trần Thị Minh Việt**	**Trịnh Văn Tuấn**
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 04 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Quý 1 Năm 2016

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý 1 Năm 2016 VND	Quý 1 Năm 2015 VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	*1. Lợi nhuận trước thuế*		*120.259.146.491*	*24.388.673.032*
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		3.599.971.952	3.012.988.668
03	- Các khoản dự phòng		2.339.412.068	11.758.674.452
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(4.035.723.258)	(3.841.366.635)
06	- Chi phí lãi vay		1.379.667.240	45.798.949
08	*3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động*		*123.542.474.493*	*35.364.768.466*
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		147.931.553.831	12.157.751.902
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		60.400.566.674	(158.701.842.745)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(506.272.917.787)	(126.651.716.133)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		1.185.852.949	615.727.635
14	- Tiền lãi vay đã trả		(1.379.667.240)	(45.798.949)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(33.256.216.369)	(43.333.069.834)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(896.996.000)	(633.200.000)
20	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh***		***(208.745.349.449)***	***(281.227.379.658)***
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(122.557.577.351)	(28.344.049.870)
25	2. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(5.520.000.000)	
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		3.712.893.780	2.992.329.101
30	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư***		***(124.364.683.571)***	***(25.351.720.769)***
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền thu từ đi vay		198.103.689.475	58.891.977.708
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(63.226.726.520)	(30.000.000.000)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(40.222.662)	(210.814.211)
40	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính***		***134.836.740.293***	***28.681.163.497***

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Quý 1 Năm 2016

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý 1 Năm 2016	Quý 1 Năm 2015
			VND	VND
p	**Lưu chuyển tiền thuần trong quý**		(198.273.292.727)	(277.897.936.930)
60	**Tiền và tương đương tiền đầu năm**		377.364.274.418	357.373.292.857
70	**Tiền và tương đương tiền cuối quý**	3	179.090.981.691	79.475.355.927

Phạm Thị Thanh Bình	**Trần Thị Minh Việt**	**Trịnh Văn Tuấn**
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
		Hà Nội, ngày 15 tháng 04 năm 2016